

Số: LQSL_675/14h40/DBQG

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2024

**TIN CẢNH BÁO LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT, SỤT LÚN ĐẤT DO MƯA
LŨ HOẶC DÒNG CHẢY KHU VỰC CÁC TỈNH BẮC BỘ
VÀ THANH HÓA**

1. Tình hình mưa đã qua:

Trong 24 giờ qua (từ 14 giờ ngày 09/9 đến 14 giờ ngày 10/9), khu vực các tỉnh Bắc Bộ và Thanh Hóa đã có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to như: Nậm Cười 79,2mm (Lai Châu); Đồng Tâm 296,8mm (Hoà Bình); Cam Đường 208,6mm (Lào Cai); Minh Bảo 401,2mm (Yên Bái); Nấm Dẩn 2 164mm (Hà Giang); Hùng Đức 121mm (Tuyên Quang); Đại Phạm 209mm (Phú Thọ); Hoàng Nông 120mm (Thái Nguyên); Đàm Hà 238mm (Quảng Ninh); Cẩm Lương 120mm (Thanh Hóa);...

Mô hình độ ẩm đất cho thấy một số khu vực thuộc các tỉnh trên đã gần bão hòa (trên 85%) hoặc đạt trạng thái bão hòa.

2. Cảnh báo mưa trong thời gian tiếp theo:

Trong 03-06 giờ tới khu vực phía đông Bắc Bộ và Thanh Hóa có mưa với lượng mưa phổ biến từ 30-60mm, có nơi trên 100mm; các khu vực khác ở Bắc Bộ có mưa với lượng từ 10-30mm, có nơi trên 50mm.

3. Cảnh báo nguy cơ:

Trong 06 giờ tới, nguy cơ xảy ra lũ quét trên các sông, suối nhỏ, sạt lở đất trên sườn dốc tại nhiều huyện (Chi tiết được đính kèm trong Phụ lục 1).

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy: Cấp 1, Lào Cai: Cấp 2, **đặc biệt Yên Bái: Cấp 3.**

5. Cảnh báo tác động của lũ quét, sạt lở, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy:

Lũ quét, sạt lở đất có thể gây tác động rất xấu đến môi trường, uy hiếp tính mạng của người dân; gây tắc nghẽn giao thông cục bộ, làm ảnh hưởng tới quá trình di chuyển của các phương tiện; phá hủy các công trình dân sinh, kinh tế gây thiệt hại cho các hoạt động sản xuất, hoạt động kinh tế - xã hội.

Tin phát lúc: 14h40

PHÓ GIÁM ĐỐC

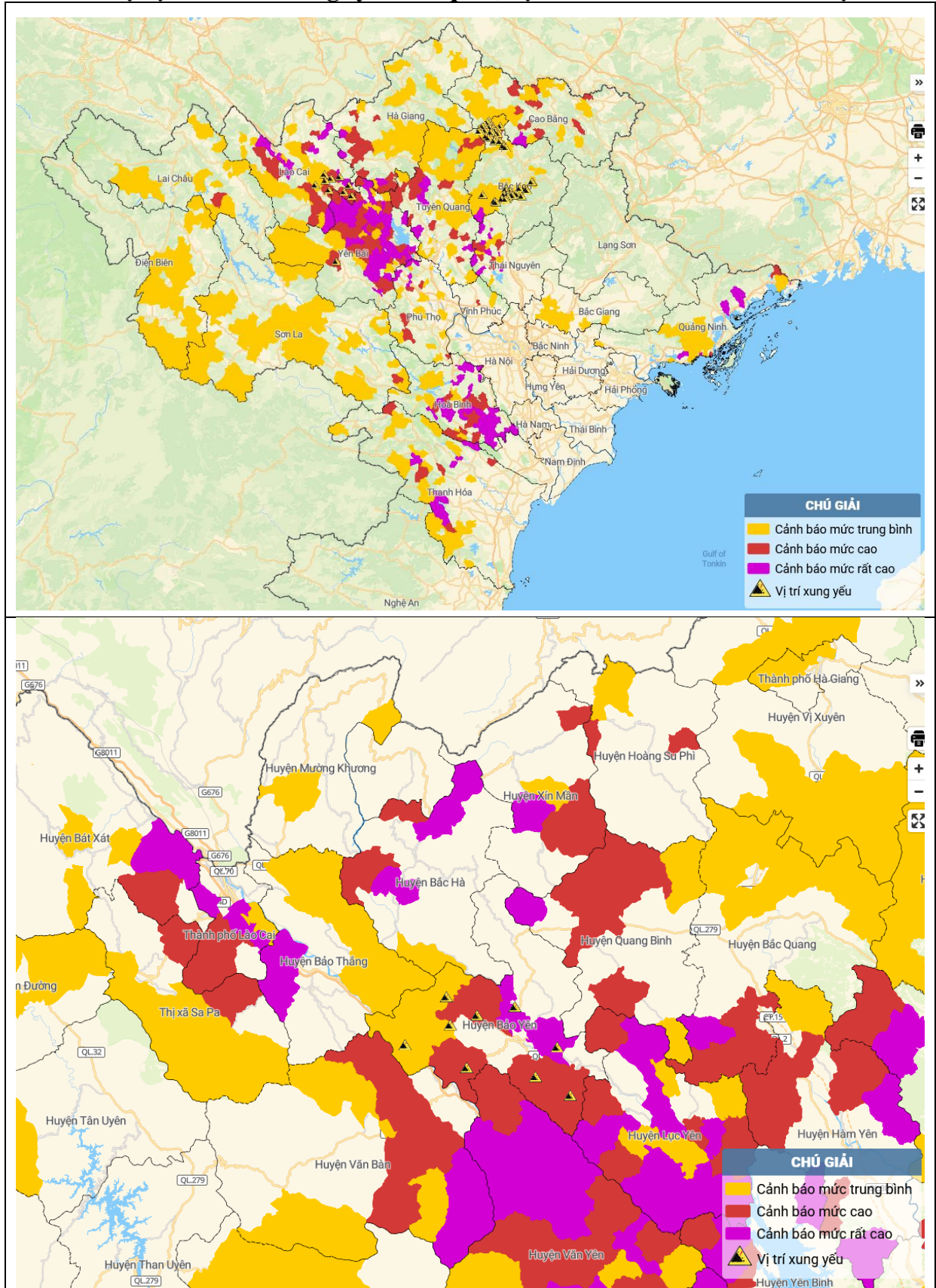
Hoàng Văn Đại

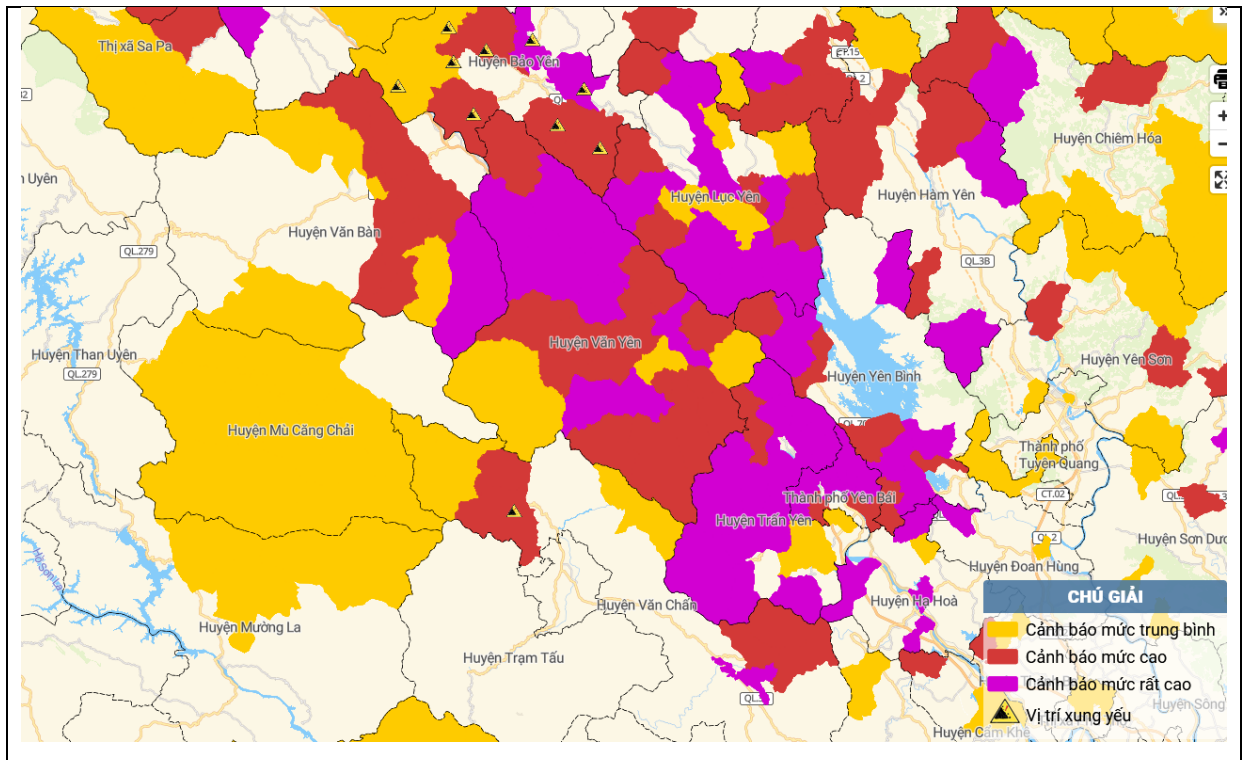
PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Danh sách các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất đá trong 06 giờ tới

| TT | Tỉnh/TP | Huyện |
|----|-------------|--|
| 1 | Lai Châu | Mường Tè, Nậm Nhùn, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tam Đường, Tân Uyên |
| 2 | Điện Biên | Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Ảng, Mường Chà, Tủa Chùa, Tuần Giáo, TP.Điện Biên Phủ |
| 3 | Sơn La | Bắc Yên, Mai Sơn, Mộc Châu, Mường La, Phù Yên, Sông Mã, Sốp Cộp, Thuận Châu, Vân Hồ, Yên Châu, TP.Sơn La |
| 4 | Hoà Bình | Cao Phong, Đà Bắc, Kim Bôi, Lạc Sơn, Lạc Thủy, Lương Sơn, Mai Châu, Tân Lạc, Yên Thủy, TP.Hòa Bình |
| 5 | Lào Cai | Bắc Hà, Bảo Thắng, Bảo Yên, Bát Xát, Mường Khương, Văn Bàn, TP.Lào Cai, TX.Sa Pa, Si Ma Cai |
| 6 | Yên Bái | Lục Yên, Mù Căng Chải, Trấn Yên, Văn Chấn, Văn Yên, Yên Bình, TP.Yên Bái, TX.Nghĩa Lộ, Trạm Tấu |
| 7 | Hà Giang | Bắc Mê, Bắc Quang, Đồng Văn, Hoàng Su Phì, Mèo Vạc, Quản Bạ, Quang Bình, Vị Xuyên, Xín Mần, Yên Minh, TP.Hà Giang |
| 8 | Tuyên Quang | Chiêm Hóa, Hàm Yên, Lâm Bình, Na Hang, Sơn Dương, Yên Sơn, TP.Tuyên Quang |
| 9 | Vĩnh Phúc | Tam Đảo, Tam Dương |
| 10 | Phú Thọ | Cẩm Khê, Đoan Hùng, Hạ Hoà, Lâm Thao, Tam Nông, Tân Sơn, Thanh Ba, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Yên Lập, TP.Việt Trì, TX.Phú Thọ |
| 11 | Bắc Kạn | Ba Bể, Bạch Thông, Chợ Đồn, Ngân Sơn, Pác Nặm, TP.Bắc Kạn |
| 12 | Thái Nguyên | Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, TP.Thái Nguyên |
| 13 | Cao Bằng | Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hà Quảng, Hoà An, Nguyên Bình, Quảng Hòa, Thạch An, Trùng Khánh |
| 14 | Quảng Ninh | Ba Chẽ, Đầm Hà, Tiên Yên, TP.Cẩm Phả, TP.Hạ Long, TP.Móng Cái, TX.Đông Triều |
| 15 | Bắc Giang | Hiệp Hòa, Lạng Giang, Lục Nam, Tân Yên, Yên Dũng, TP.Bắc Giang, TX.Việt Yên |
| 16 | Thanh Hóa | Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Mường Lát, Ngọc Lặc, Như Thanh, Như Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn, Thạch Thành, Thường Xuân |

Phụ lục 2: Bản đồ nguy cơ lũ quét, sạt lở đất đá trên các khu vực





(Chi tiết tại đường link: <http://luquetsatlo.nchmf.gov.vn>)